TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2024/HNGĐ - ST
Ngày: 28 – 9 – 2024
V/v: *Kiện xin ly hôn, nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Bà Dương Thị Hồng Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2024 về việc "*Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Chị T có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Duy P, sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cơ quan: Ban Q, số A đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về quan hệ hôn nhân*:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/7/2024, được bổ sung tại bản tự khai, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Bùi Duy P có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2018 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều quan điểm mâu thuẫn không hòa hợp, dẫn đến cãi vã, im lặng, tổn thương hai bên; chị không nhận được tình cảm từ anh P, không được anh tôn trọng, anh chỉ hướng về bên ngoài không quan tâm đến suy nghĩ, cảm xúc của vợ; không quan tâm đến con. Anh chị đã dùng nhiều biện pháp khắc phục nhưng mục đích hôn nhân vẫn không đạt được, mâu thuẫn vẫn cứ kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt phai. Chị trình bày thêm, mặc dù hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng

không nói chuyện. Hiện nay anh chị đã sống ly thân từ đầu tháng 9 cho đến nau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy cuộc sống hôn nhân mục đích không đạt được, hạnh phúc vợ chồng nhạt phai nên chị xin được ly hôn với anh Bùi Duy P.

* Tại bản tự khai anh Bùi Duy P trình bày: Anh và chị Lê Thị Ngọc T có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2018 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, nguyện vọng Tòa án hủy bỏ đơn ly hôn của vợ.

- *Về nuôi con chung*: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Bùi Duy P cùng khai vợ chồng có 01 con chung, cháu Bùi Lê Trà M, sinh ngày 22/10/2020.

- Ý kiến của chị T: Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trà M, yêu cầu anh P đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Ý kiến của anh P: Nếu ly hôn con sẽ giao cho mẹ nuôi dưỡng. Hàng tháng anh sẽ cấp dưỡng nuôi con tùy thuộc mức lương cơ bản.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc T khai vợ chồng tự thỏa thuận và không nợ chung ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Bùi Duy P ghi ở bản tự khai là không có ý kiến.

Bị đơn anh Bùi Duy P: Sau khi thụ lý vụ án, theo giấy triệu tập của Tòa án anh đã đến làm bản tự khai ghi ý kiến của mình. Tòa án đã tống đạt thông báo để triệu tập anh đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Bùi Duy P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện: Chị Lê Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Duy P, vụ án được thụ lý quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với Bùi Duy P quá trình giải quyết vụ án anh đã đến Tòa án làm bản tự khai. Tuy nhiên, sau đó Bị đơn anh Bùi Duy P

đều vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 27/2018 ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc T và anh Bùi Duy P là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc T xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính từ cả hai phía. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng phải chăm sóc và yêu thương nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau, không tìm được tiếng nói chung. Anh P mặc dù tại bản tự khai cho rằng mâu thuẫn không có gì, anh đề nghị Tòa án hủy đơn ly hôn của vợ, điều này thể hiện rằng anh đã thờ ơ, không có trách nhiệm với cuộc sống hôn nhân, anh không đưa ra ý kiến cụ thể của mình về việc chị T xin ly hôn rõ rằng để nhằm níu kéo cuộc hôn nhân, cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, không đưa ra các biện pháp để chứng minh anh mong muốn được đoàn tụ đã thể hiện tình cảm vợ chồng không còn.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh P đã đến mức trầm trọng, thể hiện ở việc anh chị không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau như vợ chồng, cuộc sống chung giữa vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn anh Bùi Duy P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Ngọc T anh Bùi Duy P cùng khai vợ chồng có 01 con chung, cháu Bùi Lê Trà M, sinh ngày 22/10/2020.

Chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, phù hợp với nguyện vọng của anh Duy P cũng đồng ý giao con chung cháu Trà M cho chị T nuôi dưỡng và đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con tùy mức lương cơ bản. Nên mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cháu Bùi Lê Trà M, sinh ngày 22/10/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bùi Duy P cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Chị Lê Thị Ngọc T, anh Bùi Duy P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Theo trình bày của chị Lê Thị Ngọc T thì vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Tại bản tự khai, anh Bùi Duy P không có ý kiến gì về tài sản và quá trình giải quyết vụ án, anh P cũng không có ý kiến cũng không gửi văn bản, yêu cầu gì về vấn để tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số: 0001273 ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Duy P phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn với anh Bùi Duy P.

2. *Về nuôi con chun*g: Giao con chung Bùi Lê Trà M, sinh ngày 22/10/2020 cho chị Lê Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bùi Duy P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trà M mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

3. *Về án phí:*

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số: 0001273 ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Duy P phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2024). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- UBND xã Phong Hóa, H. Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Minh